TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2018/DS-ST.
Ngày: 29/10/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Lý.
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến, cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2018/TLST-DS, ngày 24/7/2018, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2018/QĐST-DS ngày 26/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2018/QĐST - HPT ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V; địa chỉ: đường N, Phường S, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Mai Hùng C, sinh năm: 1994; địa chỉ: đường N, Phường S, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh; (C*ó đơn xin vắng mặt*);

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Anh V, sinh năm: 1989; địa chỉ: đường L, Phường M, quận G, Tp.HCM; (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V ông C trình bày: Ngày 12/5/2017 ông Nguyễn Ngọc Anh V có ký hợp đồng tín dụng số 10530000035918000 với Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V (viết tắt J). Ông V vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, lãi suất 2,13%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 24 tháng. Mỗi tháng ông V sẽ thanh toán cho J số tiền là 2.146.116 đồng, kỳ cuối là 2.408.460 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 12/6/2017, ngày cuối cùng là 12/5/2019.

Từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 ông V đã thanh toán cho J số tiền 12.882.000 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho J nữa. Vì vậy, J khởi kiện buộc ông V phải thanh toán số nợ còn lại cho J tính đến ngày 31/3/2018 số tiền là 36.734.567 đồng, trong đó tiền gốc là 31.941.615 đồng, tiền lãi 3.151.372 đồng, phí phạt là 1.641.589 đồng. Ông V tiếp tục thanh toán cho J tiền lãi phát sinh do dư nợ quá hạn, tiền phạt chậm thanh toán và các loại phí từ sau ngày 31/3/2018 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông V phải trả số tiền gốc còn lại là 30.480.213 đồng, tiền lãi là 10.420.118 đồng, phí phạt là 1.828.813 đồng. Tổng cộng là 42.729.114 đồng tính đến ngày 29/10/2018, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông V chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử, ông V phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Phía bị đơn, ông V đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, tuy nhiên trong hợp đồng mà hai bên đã ký không có điều khoản nào thỏa thuận về việc phạt thanh toán cũng như phí tất toán hợp đồng trước hạn. Do đó, chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc là 31.941.615 đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/9/2018 là 6.736.671 đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, các loại phí từ sau ngày 06/9/2018 cho đến khi trả hết nợ. Không chấp nhận yêu cầu về phạt, phí tất toán hợp đồng trước hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Ông Nguyễn Ngọc Anh V có ký hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V vào ngày 12/5/2017, vay số tiền 40.000.000 đồng, do đó có cơ sở xác định giữa ông V và Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V có giao kết hợp đồng dân sự như qui định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông V cư ngụ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đúng theo qui định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V trả cho J số tiền gốc còn nợ lại là 30.480.213 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông V có ký hợp đồng tín dụng với J vào ngày 12/5/2017. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mỗi tháng ông V có trách nhiệm trả gốc và lãi cho J số tiền 2.146.116 đồng bắt đầu kỳ đầu tiên là ngày 12/6/2017. Ông V thanh toán được 6 kỳ với số tiền 12.882.000 đồng gốc và lãi. Từ ngày 05/12/2017 ông V không thanh toán nữa. Sau khi J khởi kiện ra tòa thì ông V có đến đóng tiếp cho J hai lần mỗi lần 1.000.000 đồng vào ngày 8/8/2018 và 13/9/2018. Ông V đã không thanh toán đúng hạn như hợp đồng đã ký kết, vi phạm điều 3 và Điều 7 của hợp đồng. Do đó, J thu hồi nợ trước hạn là có cơ sở.

[4] Về tiền lãi: Theo hợp đồng thỏa thuận, ông V phải thanh toán cho J nợ gốc và lãi trong hạn nhưng ông V không thực hiện nên J thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất là 2,13%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh từ ngày 12/12/2017 đến ngày 29/10/2018 với số tiền là 10.420.118 đồng theo bảng kê của J là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về phí phạt : Ý kiến Viện kiểm sát cho rằng trong hợp đồng mà hai bên đã ký không có điều khoản nào thỏa thuận về việc phạt thanh toán cũng như phí tất toán hợp đồng trước hạn nên không chấp nhận khoản tiền phạt này. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 25 của Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định "*tổ chức tín dụng và khách hàng được thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại*….". Tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng được ký kết quy định " … *Các điều khoản giao dịch chung được công bố trên mạng điện tử của J (www.j.com.vn) là một phần không tách rời của hợp đồng này*.". Bên vay xác nhận đã đọc hiểu và chấp thuận các điều khoản quy định tại hợp đồng và các điều kiện giao dịch chung được bên cho vay cung cấp. Căn cứ vào Điều 6 điều kiện giao dịch chung sản phẩm vay tiêu dùng của J quy định khoản tiền phạt bằng 6% dư nợ gốc. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên J chấm dứt hợp đồng và tính khoản tiền phạt bằng 6% trên số dư nợ gốc là 30.480.213 x 6% = 1.828.813 đồng là có cơ sở.

[6] Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng ông V không đến tòa để trình bày ý kiến của mình, do đó căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc ông V có trách nhiệm trả số nợ trên cho J một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của của Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.136.455 đồng, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V.

Ông Nguyễn Ngọc Anh V có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V số tiền gốc là 30.480.213 đồng, tiền lãi 10.420.118 đồng, phí phạt là 1.828.813 đồng. Tổng cộng là 42.729.114 (bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn một trăm mười bốn) đồng.Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/10/2018, ông V còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.136.455 (hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi lăm) đồng ông V chịu. Hoàn lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 918.364 (chín trăm mười tám ngàn ba trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029715 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Tp.HCM.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDTPHCM.
-VKSNDQGV;
-CCTHAQGV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu